

CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Số: 278/CBTT-TCPH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Đức, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu**

- Mã chứng khoán: **PNP**;

- Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Điện thoại liên hệ: 02873073979 - 3901;

- Email: vanphong.tcph@saigonnewport.com.vn;

- Website: www.phuhuuport.com.

2. Nội dung thông tin công bố

- **BCTC bán niên năm 2024 đã được soát xét:**

BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);

BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải **giải trình** nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán...)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại đường dẫn <https://www.phuhuuport.com/quan-he-co-dong.html>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2024 đã được soát xét của Công ty cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu.
- Văn bản giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Đại diện tổ chức
Người được uỷ quyền CBTT
Thư ký Công ty



Phan Văn Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 28
8. Phụ lục	29 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 16 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 với mã chứng khoán là: PNP

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 6288 8809
- Fax : (84 – 28) 6288 7980

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần, lấy mẫu, cân hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới thuê tàu biển);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Hoài Giang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Thuy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024
Ông Lê Nguyên Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Lê Thị Huyền	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Trần Tất Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thuy	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021
Ông Lê Quốc Việt	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2021
Ông Võ Xuân Chung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thụy - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

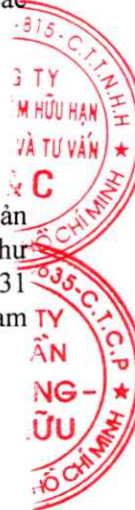
Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thụy
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Số: 1.1269/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Hồ Văn Tùng****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.373.528.603	155.562.635.025
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	112.694.744.883	115.044.243.243
1. Tiền	111		27.694.744.883	10.044.243.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	105.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.125.672.237	39.714.590.015
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.211.822.885	38.602.691.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.136.353.780	350.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	50.006.694.822	991.097.523
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(229.199.250)	(229.199.250)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		294.770.000	294.770.000
1. Hàng tồn kho	141	V.6	294.770.000	294.770.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.258.341.483	509.031.767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	359.747.378	509.031.767
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.898.594.105	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.327.603.926	193.441.959.511
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		158.688.616.397	192.006.242.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	158.688.616.397	192.006.242.816
- Nguyên giá	222		381.533.052.435	456.709.079.748
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.844.436.038)	(264.702.836.932)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.435.716.695	1.435.716.695
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.435.716.695	1.435.716.695
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		203.270.834	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	203.270.834	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		336.701.132.529	349.004.594.536

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		118.379.013.111	125.468.842.401
I. Nợ ngắn hạn	310		69.199.207.964	69.067.815.254
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	12.156.404.461	36.506.355.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.029.166.000	3.370.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.778.900.937	2.783.128.644
4. Phải trả người lao động	314	V.13	5.227.018.111	9.874.281.277
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.745.993.957	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	26.224.037.903	530.299.643
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	14.442.619.103	14.442.619.103
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.595.067.492	4.927.761.444
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		49.179.805.147	56.401.027.147
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	49.179.805.147	56.401.027.147
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		218.322.119.418	223.535.752.135
I. Vốn chủ sở hữu	410		218.322.119.418	223.535.752.135
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	161.000.000.000	161.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.000.000.000	161.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	36.427.139.132	36.425.313.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	20.894.980.286	26.110.438.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	26.110.438.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.894.980.286	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		336.701.132.529	349.004.594.536

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập

Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thuy
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	177.509.884.786	158.513.794.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		177.509.884.786	158.513.794.670
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	138.515.649.592	121.967.513.100
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.994.235.194	36.546.281.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	852.666.412	1.856.823.561
7. Chi phí tài chính	22		3.183.604.905	4.351.386.541
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.183.604.905	4.351.386.541
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	11.970.007.202	9.643.871.733
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.693.289.499	24.407.846.857
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.550.463.887	29.081
12. Chi phí khác	32		37.371	275.264.277
13. Lợi nhuận khác	40		3.550.426.516	(275.235.196)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.243.716.015	24.132.611.661
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	5.648.735.729	4.855.082.132
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>22.594.980.286</u>	<u>19.277.529.529</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>1.099</u>	<u>899</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	<u>1.099</u>	<u>899</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập

Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thụy
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.243.716.015	24.132.611.661
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	17.022.427.551	20.477.162.197
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.5	(4.403.066.976)	(1.856.823.561)
- Chi phí lãi vay	06		3.183.604.905	4.351.386.541
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.046.681.495	47.104.336.838
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.591.936.601)	(25.216.117.311)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.614.057.380)	12.322.497.899
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(53.986.445)	313.136.569
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.183.604.905)	(4.351.386.541)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(4.322.300.256)	(3.766.441.996)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(5.381.083.346)	(2.789.797.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.100.287.438)	23.616.228.177
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, VI.5	19.845.599.432	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(80.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	90.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	1.134.926.686	2.093.015.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.980.526.118	12.093.015.438

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(7.221.222.000)	(19.300.496.376)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, V.18	(8.515.040)	(10.035.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.229.737.040)	(19.310.531.416)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.349.498.360)	16.398.712.199
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	115.044.243.243	69.152.586.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	112.694.744.883	85.551.298.522

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập

Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thụy
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: cho thuê cơ sở hạ tầng; bốc xếp, đóng gói, rút ruột, nâng hạ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến cảng biển, vận tải; bón buyn nhiên li□u r□n, l□ng, khớ v□ cớ s□n ph□m liờn quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 149 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho chỉ có công cụ, dụng cụ. Giá gốc công cụ, dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	10 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

3449
CÔNG
NHIỆP
TOÁN
A 8
69
-TP
C
C
H
C-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	451.620.000	333.658.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.243.124.883	9.710.585.243
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	85.000.000.000	105.000.000.000
Cộng	112.694.744.883	115.044.243.243

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (là bên liên quan)	872.857.691	23.459.251.461
Công ty TNHH Xếp dỡ Hàng hóa Thiên Ân	762.085.600	5.343.692.486
Công ty Cổ phần Tiếp vận Hải Âu	3.341.946.416	3.445.053.076
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sáu Tám	2.122.560.000	-
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Logistics	1.023.661.840	2.797.007.159
Các khách hàng khác	1.088.711.338	3.557.687.560
Cộng	9.211.822.885	38.602.691.742

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	1.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Thanh	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Thương mại Phước An	266.353.780	-
Cộng	2.136.353.780	350.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (là bên liên quan) - Phải thu khác	20.000.000	-	20.000.000	-
Công nợ của doanh thu tạm tính	49.005.438.892	-	-	-
Tạm ứng	335.500.000	-	200.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	-	-	282.260.274	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	645.755.930	-	488.837.249	-
Cộng	50.006.694.822	-	991.097.523	-

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền hàng						
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (là bên liên quan)	Dưới 06 tháng	187.916.751	187.916.751	Dưới 06 tháng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	500.966.249	500.966.249	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	500.966.249	500.966.249
	Trên 03 năm	183.974.691	183.974.691	Trên 03 năm	183.974.691	183.974.691
Công ty TNHH Nguyễn Duy	Trên 03 năm	229.199.250	-	Trên 03 năm	229.199.250	-
Cộng		1.102.056.941	872.857.691		914.140.190	684.940.940

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	229.199.250	114.599.625
Số cuối kỳ	229.199.250	114.599.625

6. Hàng tồn kho
Thiết bị, máy móc tồn kho.

7. Chi phí trả trước
7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	135.497.378	210.031.767
Chi phí sửa chữa	224.250.000	299.000.000
Cộng	359.747.378	509.031.767

7b. Chi phí trả trước dài hạn
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	274.085.168.745	181.496.183.730	1.052.727.273	75.000.000	456.709.079.748
Thanh lý, nhượng bán	-	(75.176.027.313)	-	-	(75.176.027.313)
Số cuối kỳ	274.085.168.745	106.320.156.417	1.052.727.273	75.000.000	381.533.052.435
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.044.319.575	-	-	75.000.000	19.119.319.575
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	168.826.785.171	95.284.063.125	526.363.636	65.625.000	264.702.836.932
Khấu hao trong kỳ	10.884.578.221	6.075.837.966	52.636.364	9.375.000	17.022.427.551
Thanh lý, nhượng bán	-	(58.880.828.445)	-	-	(58.880.828.445)
Số cuối kỳ	179.711.363.392	42.479.072.646	579.000.000	75.000.000	222.844.436.038
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	105.258.383.574	86.212.120.605	526.363.637	9.375.000	192.006.242.816
Số cuối kỳ	94.373.805.353	63.841.083.771	473.727.273	-	158.688.616.397
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 157.492.885.561 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem thuyết minh số V.16b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định - Cầu BTG	218.514.812	218.514.812
Xây dựng cơ bản dở dang - Dự án đầu tư bến tàu, bến xà lan, cầu cảng	1.217.201.883	1.217.201.883
Cộng	1.435.716.695	1.435.716.695

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	66.412.252	6.033.685.969
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	66.412.252	158.685.969
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	-	5.875.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.089.992.209	30.472.669.174
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vận tải và Công nghiệp Quang Minh	3.375.540.000	4.877.610.968
Công ty TNHH Sài Gòn Container Phú Hữu	2.272.401.129	2.106.866.538
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xây dựng Vinalink	1.898.424.000	2.997.648.000
Công ty TNHH Gia Việt Khang Vina	1.423.818.000	4.496.472.000
Công ty TNHH Logistics West Mountain	-	4.846.537.087
Các nhà cung cấp khác	3.119.809.080	11.147.534.581
Cộng	12.156.404.461	36.506.355.143

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum	1.003.953.000	-
Các khách hàng khác	25.213.000	3.370.000
Cộng	1.029.166.000	3.370.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	306.013.318	5.964.720.902	(6.270.734.220)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.300.256	5.648.735.729	(4.322.300.256)	3.648.735.729
Thuế thu nhập cá nhân	154.815.070	528.820.829	(553.470.691)	130.165.208
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	2.783.128.644	12.145.277.460	(11.149.505.167)	3.778.900.937

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số dịch vụ là 8% theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.243.716.015	24.132.611.661
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	142.799.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(37.371)	-
Thu nhập tính thuế	28.243.678.644	24.275.410.661
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.648.735.729	4.855.082.132

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương, tiền thưởng còn phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí các dịch vụ hỗ trợ cảng biển tháng 6 năm 2024.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	20.950.541.729	15.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé - Cổ tức phải trả	11.630.820.960	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	9.304.720.769	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Nhờ chi hộ	15.000.000	15.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.273.496.174	515.299.643
Cổ tức phải trả	4.903.406.965	87.240.125
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	199.733.949	221.510.430
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	170.355.260	206.549.088
Cộng	26.224.037.903	530.299.643

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>		
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	5.442.619.103	5.442.619.103
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	<u>14.442.619.103</u>	<u>14.442.619.103</u>

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	14.442.619.103	28.534.930.772
Kết chuyển từ vay dài hạn	7.221.222.000	7.221.222.000
Số tiền vay đã trả	(7.221.222.000)	(19.300.496.376)
Số cuối kỳ	<u>14.442.619.103</u>	<u>16.455.656.396</u>

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	22.679.805.147	25.401.027.147
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	26.500.000.000	31.000.000.000
Cộng	<u>49.179.805.147</u>	<u>56.401.027.147</u>

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp cảng Tân Cảng Phú Hữu với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay tối đa 12 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đầu tư mua tài sản cố định là 02 cầu khung lớp Kalmar RTG, lãi suất 7,8%/năm cố định trong 02 năm đầu, sau đó thay đổi theo thông báo của Ngân hàng, thời hạn vay 82 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	14.442.619.103	14.442.619.103
Trên 01 năm đến 05 năm	48.269.491.162	52.769.491.162
Trên 05 năm	910.313.985	3.631.535.985
Cộng	<u>63.622.424.250</u>	<u>70.843.646.250</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	56.401.027.147	70.843.755.985
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(7.221.222.000)	(7.221.222.000)
Số cuối kỳ	<u>49.179.805.147</u>	<u>63.622.533.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.927.761.444	4.238.311.945
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.048.389.394	5.227.633.800
Chi quỹ	(5.381.083.346)	(2.789.797.281)
Số cuối kỳ	1.595.067.492	6.676.148.464

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	161.000.000.000	30.717.451.003	26.244.068.665	217.961.519.668
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	19.277.529.529	19.277.529.529
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	(143.788.744)	(5.083.845.056)	(5.227.633.800)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(25.760.000.000)	(25.760.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	161.000.000.000	30.573.662.259	14.677.753.138	206.251.415.397
Số dư đầu năm nay	161.000.000.000	36.425.313.540	26.110.438.595	223.535.752.135
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	22.594.980.286	22.594.980.286
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	1.825.592	(2.050.214.986)	(2.048.389.394)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(25.760.223.609)	(25.760.223.609)
Số dư cuối kỳ này	161.000.000.000	36.427.139.132	20.894.980.286	218.322.119.418

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	72.692.000.000	72.692.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	58.154.000.000	58.154.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Container SaiGon	10.495.810.000	10.495.810.000
Các cổ đông khác	19.658.190.000	19.658.190.000
Cộng	161.000.000.000	161.000.000.000

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Tờ trình số 135/TTr-TCPH ngày 08 tháng 5 năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Tờ trình số 136/TTr-TCPH ngày 08 tháng 5 năm 2024, cụ thể như sau:

	Số được phân phối từ lợi nhuận năm 2023	Số đã tạm trích trong năm trước	Số trích bổ sung trong kỳ này	Số tạm trích từ lợi nhuận năm 2024	Tổng số trích trong kỳ này
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5.853.476.873	5.851.651.281	1.825.592	-	1.825.592
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.320.420.603	9.296.873.609	23.546.994	1.700.000.000	1.723.546.994
Trích quỹ thưởng cho người quản lý, kiểm soát viên	324.842.400	-	324.842.400	-	324.842.400
Chia cổ tức (1.600 VND/cổ phiếu) ⁽ⁱ⁾	25.760.223.609	-	25.760.223.609	-	25.760.223.609
Cộng	41.258.963.485	15.148.524.890	26.110.438.595	1.700.000.000	27.810.438.595

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 16 tháng 7 năm 2024, ngày thanh toán cổ tức là ngày 31 tháng 7 năm 2024.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	65.000.000.000	65.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	274.625.000.000	269.750.000.000
Trên 05 năm	1.460.461.606.771	1.497.836.606.771
Cộng	1.800.086.606.771	1.832.586.606.771

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê cơ sở hạ tầng tại cảng Phú Hữu Công ty thuê của Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2015 với giá thuê được phân theo từng giai đoạn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	66.019.354.700	67.367.860.460
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.291.010.827	91.145.934.210
Doanh thu bán hàng hóa	11.199.519.259	-
Cộng	177.509.884.786	158.513.794.670

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê cơ sở hạ tầng phát sinh trong kỳ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn là 131.814.286.029 VND (cùng kỳ năm trước là 123.698.958.791 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng	44.733.699.241	49.125.326.316
Giá vốn cung cấp dịch vụ	83.000.277.624	72.842.186.784
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.781.672.727	-
Cộng	138.515.649.592	121.967.513.100

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.152.812.207	7.174.546.357
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	515.870.572	299.554.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.375.000	9.375.000
Thuế, phí và lệ phí	83.400.983	57.718.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.627.548	505.034.214
Các chi phí khác	3.053.920.892	1.597.643.449
Cộng	11.970.007.202	9.643.871.733

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.550.400.564	-
Thu nhập khác	63.323	29.081
Cộng	3.550.463.887	29.081

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.594.980.286	19.277.529.529
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.739.981.015)	(4.648.436.805)
Trích thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành	(162.000.000)	(162.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.692.999.271	14.467.092.724
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	16.100.000	16.100.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.099	899

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.284.607.594	2.761.706.032
Chi phí nhân công	21.897.598.504	21.563.527.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.022.427.551	20.477.162.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.254.417.062	81.343.361.858
Chi phí khác	4.244.933.357	2.647.045.417
Cộng	139.703.984.068	128.792.803.015

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	131.238.984.303	132.038.709.400
Trên 01 năm đến 05 năm	457.313.221.247	471.061.526.310
Trên 05 năm	1.881.733.779.455	1.933.205.103.995
Cộng	2.470.285.985.005	2.536.305.339.705

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thuê cơ sở hạ tầng tại cảng Phú Hữu do Công ty thuê lại của Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng cho thuê được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2015 với giá thuê từng năm thay đổi và được quy định cụ thể trong phụ lục hợp đồng.

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 66.019.354.700 VND (kỳ trước là 67.367.860.460 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Ông Đặng Hoài Giang	Chủ tịch HĐQT	-	28.512.000	42.456.960	70.968.960
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT	-	23.328.000	42.456.960	65.784.960
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 30/5/2024)	-	23.328.000	42.456.960	65.784.960
Ông Lê Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Thụy	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	397.504.151	71.508.063	42.456.960	511.469.174
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	332.097.226	63.678.803	42.456.960	438.232.989
Ông Võ Xuân Chung	Phó Giám Đốc	332.633.527	40.350.803	-	372.984.330
Bà Lê Thị Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	-	15.552.000	42.456.960	58.008.960
Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.960.000	42.456.960	55.416.960
Ông Trần Tất Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	226.372.592	12.960.000	42.456.960	281.789.552
Bà Trần Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	284.458.936	34.414.331	-	318.873.267
Cộng		1.573.066.432	326.592.000	339.655.680	2.239.314.112
Kỳ trước					
Ông Đặng Hoài Giang	Chủ tịch HĐQT	-	30.152.571	62.726.400	92.878.971
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT	-	24.670.286	62.726.400	87.396.686
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	-	14.391.000	59.162.400	73.553.400
Ông Nguyễn Văn Thụy	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	423.447.806	76.288.925	62.726.400	562.463.131
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	353.825.037	67.900.896	62.726.400	484.452.333
Ông Võ Xuân Chung	Phó Giám Đốc	341.156.118	40.972.295	-	382.128.413
Bà Lê Thị Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	-	16.446.857	62.726.400	79.173.257
Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên Ban kiểm soát	-	13.705.714	62.726.400	76.432.114
Ông Trần Tất Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	209.392.787	13.705.714	62.726.400	285.824.901
Bà Trần Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	300.127.745	36.870.456	-	336.998.201
Cộng		1.627.949.493	335.104.714	498.247.200	2.461.301.407

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông góp vốn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Cổ đông góp vốn có ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Mua dịch vụ	423.916.750	433.347.648
Chia cổ tức	9.304.720.769	9.304.640.000
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé		
Thuê cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	32.500.000.000	32.500.000.000
Chia cổ tức	11.630.820.960	11.630.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng: cho thuê các cơ sở hạ tầng cảng biển như kho hàng, bến, bãi, cầu cảng, ...
- Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển: bốc xếp, đóng gói, rút ruột, nâng hạ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ có ở khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập

Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thụy
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng	Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	66.019.354.700	100.291.010.827	11.199.519.259	-	177.509.884.786
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.019.354.700	100.291.010.827	11.199.519.259	-	177.509.884.786
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.285.655.459	17.290.733.203	417.846.532	-	38.994.235.194
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(11.970.007.202)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					27.024.227.992
Doanh thu hoạt động tài chính					852.666.412
Chi phí tài chính					(3.183.604.905)
Thu nhập khác					3.550.463.887
Chi phí khác					(37.371)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.648.735.729)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					22.594.980.286
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.233.699.241	3.548.768.771	-	-	15.782.468.012
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng	Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	67.367.860.460	91.145.934.210		-	158.513.794.670
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.367.860.460	91.145.934.210	-	-	158.513.794.670
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.242.534.144	18.303.747.426		-	36.546.281.570
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.643.871.733)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					26.902.409.837
Doanh thu hoạt động tài chính					1.856.823.561
Chi phí tài chính					(4.351.386.541)
Thu nhập khác					29.081
Chi phí khác					(275.264.277)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.855.082.132)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					19.277.529.529
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.625.326.316	3.548.768.771	-	-	20.174.095.087
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng	Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	105.980.314.693	51.512.570.868	-	-	157.492.885.561
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					179.208.246.968
Tổng tài sản					336.701.132.529
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	28.122.424.250	35.500.000.000	-	-	63.622.424.250
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					54.756.588.861
Tổng nợ phải trả					118.379.013.111
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	135.469.568.353	55.061.339.640	-	-	190.530.907.993
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	158.473.686.543
Tổng tài sản					349.004.594.536
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	30.843.646.250	40.000.000.000	-	-	70.843.646.250
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	54.625.196.151
Tổng nợ phải trả					125.468.842.401

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập

Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Văn Thuy
Giám đốc